

Ít ra, cá-nhân đã tự nhận-chân thấy cá-tính của mình, con người không còn là một bộ-phận, một phần-tử của nước, của nhà, không lệ-thuộc vào vua, cha; con người thấy mình trước nhất được là người; chính sự nẩy-nở ý-thức cá-nhân này đã quyết-định một phần lớn phong trào giải-phóng thơ-ca ra ngoài khuôn-sáo cổ.

Dòng thơ
Thơ Mới
Cu Do Từ đây thơ không phải để ngâm giảng vịnh gió theo lối ông Tô, ông Lý, hay ngụ - tình, đặt - ý như kiểu họ Đào, họ Bạch... nghĩa là không phải cảm những cái cảm, nói giống cách nói cổ-nhân.

Không! mỗi nhà thơ là một con người, một tấm lòng đứng trước nhân-sinh, vũ-trụ (ngoại - giới hay nội-tâm) nhìn thấy những gì, rung-động xao-xuyến ra sao, gắng sức dùng lời xếp đặt có âm-điệu tiết-tấu do tự khiêu riêng, để diễn-đạt hết thi-hứng của mình, quý-hồ làm cho kẻ đọc có thể thông-cảm rung-động, xao-xuyến theo và cùng chung thi-hứng ấy.

Như vậy nhà thơ không thể nào hạ mình làm anh thợ thơ, bắt buộc thi-hứng nhất-định phải đi qua con đường độc-đạo: « khai, thừa, chuyển, hợp » hay « phá, thừa, thực, luận, kết », phải lên xuống đều đều... đều đều... « bằng bằng »... « trắc trắc »... như theo đường *sín* (trong toán-học)... lại phải dùng chữ đối-xứng.. thi hứng ra khỏi con đường ấy sau khi uốn theo bao nhiêu điều-kiện thi hỏi còn gì là hứng, là thơ?

Vậy thời-cuộc cải-cách thơ trong khoảng 20 năm qua cũng chẳng lạ gì; vô kén hợp với con nhộng nhưng không hợp với con ngài, con ngài có cánh cần phải bay liệng vẫy-vùng trong chốn không-gian, lý-

ưng cần vô kén thoát ra, chứ không chịu hãm mình ở nhà tù chật-bẹp.

Các bạn có nhận thấy người đầu tiên xướng xuất việc làm thơ mới lại là một nhà nho gốc, một học-giả tập làm thơ Đường từ khi còn đề chỏm, chúng tôi muốn nói đến Phan-Khôi với bài *Tình già* đăng trong Phụ-nữ tân-văn.

Chúng tôi không muốn nhắc lại cuộc tranh-luận giữa hai phái thơ mới, cũ đã từng sôi-nổi một thời; với thời-gian trôi qua, những ý mạnh, cảm hăng đã dần bớt đi, và trên thi-dân, thơ mới chiếm địa-vị vững-vàng của người thắng trận.

Ngay đến danh-từ « thơ mới », « thơ cũ », cũng không còn nữa, chỉ có thơ! chứ làm gì có « mới », « cũ ». Hai tiếng « thơ mới » đặt rạch ròi qua đề đối lập với hai tiếng « thơ cũ »; nhà thơ cũ chế bọn tân-học đối, không dám đụng đến thơ luật vì sợ khó, nhà thơ mới chê phái cựu-học toàn nắn câu, gò chữ, dùng sáo, điển... đem những cái tiền-xảo của thợ thơ bóp chết từ thơ.

Thực ra, cả hai bên cũng có chút thiên. Người cũ, nệ cổ không hiểu, cố tình không muốn hiểu tâm-trạng lớp người đến sau mình, và sự tiến - triển của nghệ-thuật khi tiếp-xúc với Tây-phương; họ kinh-ngạc vô-cùng khi thấy một lũ quái-gở, ngông-cường, dám phủ-nhận giá-trị thơ của Thanh-Liên, Tử-Mỹ...

Bây giờ quay nhìn trở lại, chúng ta trông thấy rõ-rệt, bọn mới đầu có khinh-thị các thi-hào Đường, Tống... Họ công-kịch là công-kịch những nhà nho làm thơ cũ chỉ biết bắt chước — bắt chước vụng — chứ không có tài sáng-tác, nhất là khi họ tự giam mình

vào lối thơ cũ - nghiệp ; thì trải bao thế - kỷ học thơ Tàu, chúng ta đã có ai vượt lên trên hay đứng ngang hàng Lý, Đỗ... ? Đừng nói chi bên ta hãy nói ngay ở Trung - quốc, đem thơ Nguyên, Minh, Thanh so với thơ Đường cũng đã kém rồi ! Ta không thể nào tin được lời vua Dực - Tôn liệt văn ông Quát, ông Siêu lên trên văn Hán - Ngụy Tấn Nam Bắc-triều và cho rằng thơ Thịnh-Đường đem sánh với thơ hai ông Tăng-Thiện, Tuy-Lý-vương còn kém.

Họ phân-đổi những luật tỉ-mĩ trôi buớc nhà thơ lại, họ công-kích quan-niệm chật-hẹp và thành-kiến cổ-hủ của bọn người đầy tự-ái, không có một chút nang-khiến cũng gò-gắnm, chấp-chắn, nhất-nhạnh đâm ba câu sáo, rồi lên mặt thi-ông !

Họ rất phục thơ Đường, hay nói cho đúng hơn họ biết tán-thưởng thơ cũ, nếu thực là thơ ! Nhưng họ nhận-định rất sáng-sốt rằng thời-đại mới, thi-ca cũng phải thay nguồn. Từ đã thay, từ, điệu cũng thay ; tại sao cứ giam-hãm từ mới vào điệu và lối xưa vì từ, điệu cốt để diễn-đại tư-tưởng, cảm-tình, chứ đâu có phải là một thứ « luật » có tính-chất thiêng-liêng, thần-thánh !

Nhưng làm thơ mới không phải là tự-đo, phóng-tung, bất-chước một cách lố-lăng những thể thơ pháp. Họ là nhà phê-bình khắc-nghiệt đầu tiên công-kích các bài thơ « lai Pháp » ; họ dụng-tâm nhỏ không biết bao nhiêu khóm cỏ đại mộc che lấp cả những chồi lan.

Trong những điểm trình bày trên này, chúng tôi hoàn toàn cùng ý-kiến với Hoài-Thanh, Hoài-Chân,

hai tác-giả quyển Thi-nhân Việt-nam, và cùng với hai ông, chúng tôi cũng xét thấy rằng hà tất phải biện-luân nhiều, hãy cứ đem so thơ cũ với thơ mới xuất-bản gần đây ; bài thơ như một bức họa, một bản đàn, cái hay, cái đẹp đã có công-chúng phẩm-bình, các thiên tuyệt-bút là lý rất hùng-hồn để bênh-vực những nhà thơ mới.

Về vấn-đề thơ mới chúng tôi không thể đi vào sâu hơn nữa và cũng không thể chia ra « thi-phái » rồi xét riêng từng nhà thơ một, công-việc ấy, Hoài-Thanh, Hoài-Chân, trong quyển sách nói trên đã làm rất là đầy-đủ, chúng tôi chỉ trích-lục một vài bài thơ ai ai cũng biết, vì, như chúng tôi vừa nói, tốt hơn để cho giai-tác bênh-vực thi-nhân :

Nhớ Rừng

(trích một đoạn)

.....
Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thủa tung-hoành hồng-hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn-lâm, bóng cỏ, cây già,
Vời tiếng gió gào ngàn, vời giọng nguồn hét núi,
Vời khi thét khúc trường-ca, dữ-đội,
Ta bước chân lên, đông-đặc, đường-hoàng,
Lượn tẩm thân như sóng cuộn nhịp-nhàng,
Vòng bóng âm-thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chứa-lẽ cả muôn loài,
Giữa chốn thảo-hoa, không tên, không tuổi.
Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi, đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,

Ta lặng ngắm giang-san ta đổi mới ?
 Đâu những bình-minh, cây xanh nắng gột,
 Tiếng chim ca giãc ngủ ta tung-bình ?
 Đâu những chiều lênh-làng máu sau rừng ?
 Ta đợi chết mảnh mặt trời gay-gắt,
 Để ta chiếm lấy riêng phần bí-mật ?
 — Than ôi ! thời oanh-liệt nay còn đâu ?

Thế-Lữ.

Đây mùa thu tới

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
 Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng ;
 Đây mùa thu tới -- mùa thu tới
 Với áo mơ phai dệt lá vàng.
 Hơn một loài hoa đã rụng cánh
 Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh,
 Những luồng rùn-rẩy, rung-rinh lá . . .
 Đôi nhánh khó gãy, xương mỏng-mạnh,
 Thỉnh-thoảng nàng trăng tự ngàn-ngơ . . .
 Non xa khởi sự nhạt sương mờ . . .
 Đã nghe rét mướt luồn trong gió . . .
 Đã vãng người sang những chuyến đò . . .
 Mây vẩn từng không, chim bay đi,
 Khi trời u-uất, hận chia-ly.
 Ít nhiều thiếu-nữ buồn không nói,
 Tựa cửa nhìn xa, nghĩ-ngợi gì ?

Xuân-Điệu.

Chiều

Hôm nay, trời nhẹ lên cao,
 Tôi buồn, không hiểu làm sao tôi buồn . . .
 Lá hồng rơi lặng ngổ thuôn.
 Sương trịnh rơi kín từ nguồn yêu thương.

Phất-phơ hồn của bóng hương,
 Trong hơi phiêu-bạt còn vương máu hồng,
 Nghe chừng gió nhớ qua sông,
 E bên lau lách thuyền không vắng bờ.
 — Không-gian như có dây tơ,
 Bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiên.
 Êm êm chiều gần-ngờ chiều,
 Lòng không sao cả, hieu-hieu sẽ buồn . . .

Xuân-Điệu.

Nguyệt Cầm

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh.
 Trăng thương, trăng nhớ hỡi trăng ngần !
 Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,
 Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngàn.
 Mây vắng, trời trong, đêm thủy-tĩnh.
 Lành-lành bóng sáng bóng rung mình,
 Nghe hương-từ trong câu hát,
 Đã chết đêm rằm theo nước xanh.
 Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời ;
 Đàn ghê như nước, lạnh, Trời ơi.
 Long-lanh tiếng sỏi vang vang hận :
 Trăng nhớ Tâm-dương, nhạc nhớ người . . .
 Bốn bề ánh nhạc : biên pha-lê ;
 Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề . . .
 Sương bạc làm thình, khuya nín thở,
 Nghe sầu âm-nhạc đến sao Khuê.

Xuân-Điệu.

Tràng-giang

Bảng-khuảng trời rộng nhớ sông dài.
 H. C.

Sóng gợn trăng-giang buồn điệp-điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song-song,
Thuyền về, nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ-thơ cồn nhỏ gió dều-diều,
Đâu tiếng làng xa, vọng chợ chiều.
Nắng xuống, chiều lên sâu chót-vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô-liêu.

Bèo giạt về đâu hàng nối hàng?
Mênh-mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân-mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khỏi hoàng-hôn cũng nhớ nhà.

Huy-Cận

Đêm thu nghe qua kêu

Từ Ô-gi-hạng rử-rẻ sang
Bóng lẫn đêm thân tiếng rộn-ràng...
Trời bên Phong-Kiều sương thấp-thoảng,
Thu sông Xiết-Bích nguyệt mờ-màng.
Bồn-chồn thương kẻ vương song bạc,
Lạnh-lẽo sầu ai rụng giếng vàng?
Tiếng dội lưng máy đồng vọng mãi,
Tình hoang-mang gọi từ hoang-mang...

Quách-Tấn

Trơ trọi

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ,
Bao nhiêu kháng-khí, bấy ơ-hờ!
Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ,

Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội thơ!
Mưa gió canh dài ngăn lối mộng,
Bèo máy bến cũ quện lòng tơ...
Hỏi thăm tin-tức bao giờ lại,
Con thước qua sông lại ỡm-ờ.

Quách-Tấn

Không phải vô-tình chúng tôi đặt Quách - Tấn (người thời-đại mới làm thơ cũ) bên cạnh Thế - Lữ, Xuân-Điệu, Huy-Cận; chúng tôi muốn để các bạn so-sánh lấy và nhận ra sự tiến-triển của thơ quốc-văn.

Đọc thơ mới, dù về ý hay lời, ta có cảm-giác tự-nhiên, thành-thực bao nhiêu thì đọc thơ cũ, ta có cảm-giác theo quy-cũ, ước-thức, phải tốn công bày lời xếp ý bấy nhiêu, thành ra ta vẫn thấy nhiều gọt-gũa quá. Chính tôi xin kể một câu chuyện không chút may-may trào-phúng:

Một hôm cùng đám ba anh bạn ngồi suông, bàn về văn-chương nghệ-thuật, có người ngâm mấy câu trích trong Chinh-phụ ngâm-khúc, tả người đàn-bà trèo lên lầu, nhìn bốn phương trời: Đông, Tây, Nam, Bắc, Tọa-vật bày ra bốn bức họa đẹp tuyệt-trần. Người ngâm ngâm xong, ai cũng khen hay, duy một bạn phản đối rằng:

« Tại sao lại bốn mà không ba? tôi bực mình với con số chẵn ở trong nghệ-thuật người mình: vẽ thì phải long, ly, quy, phụng, hay tùng, cúc, trúc, mai; chơi thì phải thơ, vẽ, đàn, cờ; cho đến Cô Kiều « trước lầu Ngưng-Bích khóa xuân » cũng phải buồn đủ trong bốn cảnh!

« Tôi đọc những câu 3-4, 5-6 trong một bài thơ

cũ môn luôn có cảm-giác đoán trước được chữ gì sẽ tới hay bắt - buộc chữ gì phải tới, y như người đứng trước bàn thờ bày cỗ cúng, ví phông đem che hẳn đi một nửa, tôi cứ trông nửa bên bên này có đĩa giò, bát bóng, đĩa thịt gà, bát mực... là tôi đoán được vị-trí đối - xứng của những đĩa giò, bát bóng, đĩa thịt gà, bát mực... bày ở phía bên kia.

« Phải, tại sao lại không ba, cho ta thấy thiếu thiếu, thêm thêm, như nhớ một cái gì, như bản nhạc « hợp - tấu » còn dở-dang, khiến người ta chờ đợi khát-khao những âm-điệu tuyệt-vời, khát - khao rồi dùng tưởng-tượng tự đi tìm lấy những tiếng trúc tiếng tơ của Tiêu-Lang, Long-Ngọc. »

Tóm lại, thơ mới thoát ra ngoài điển-cổ, luật-lệ tỉ-mỉ, mở rộng chân trời cho thi-từ dồi-dào, thi-hưng tỏa lên cao vút; sau hết, với những lời đạo thuật tả cảnh và dùng chữ mới-mẻ, các thi-si đã luyện cho tiếng Việt trở nên mềm-mại, tinh-vi, tế-nhĩ, giúp tâm-hồn ta đi thực sâu vào cả hai thái-cực : ngoại - giới và nội-tâm.

Vậy thì đứng về phương-diện nghệ-thuật, văn-chương, thơ quốc-văn đã ghi dấu một bước tiến-triển khả-quan, nhưng, đáng tiếc thay vì hoàn-cảnh xã-hội lúc bấy giờ, thi-nhân vẫn luẩn-quẩn trong vòng tình-từ lãng-mạn, ủy-mĩ của cá-nhân, Thơ, như mọi cái đẹp còn giữ tinh-cách « cao sang » dành riêng cho một số ít người ở hàng tư-sản thượng-lưu trí-thức,

Trước khi chấm hết đoạn này, chúng tôi không thể bỏ qua, không nói đến lối thơ hùng-tráng. Người đầu tiên mở đường cho lối ấy là tác giả những bài « Tiếng địch sông Ô », « Kinh-Kha », « Lòng hối-hận », ... đăng trong Hà-nội báo: Phạm-huy-Thông,

Đã đánh lời chưa điều-luyện hoàn-toàn, song dưới ngòi bút Phạm-quân (cách đây mười ba năm) nhiều câu đã có khí mạnh làm hưng-khởi lòng người và lôi cuốn nỗi tâm-hồn chúng ta vào những cảnh bao-la hùng-vĩ.

Tỷ-dụ :

Trại quân Hán

.....
 Khắp bốn phương giáo mác tỏa hào-quang,
 Liên-tiếp nhau chen-chức xung-quanh ven giới lớn,
 Mấy lần trại (lười xa-xôi, mệt-mùng và chắc-chắn)
 Đóng trùng-trùng điệp-điệp trên đầu non,
 Cờ chư-hầu đỏ rực như pha son,
 Quân-quai cong trên nền trời lá mạ.
 Giục giã lên tay Vương. Và rộn-rã,
 Tiếng quân reo, tiếng ngựa hí, tiếng loa vang,
 Theo gió chiều vi-vút vắng đưa sang...

(Tiếng địch sông Ô)

Hy-vọng phục-thù của Hạng-Vũ

.....
 Vương sẽ như năm nao, đem binh mã.
 Lại tung-hoành trên thế-giới mệnh-mông.
 Vương sẽ lại (ô! vinh-quang!) trong bão lửa vẫy-vùng!
 Trên lưng ngựa đeo theo niềm khùng-khiếp.
 Vương sẽ lại toi-bời vung kiếm thép,
 Và đưa tay dằng lại tấm giang-sơn!

(Tiếng địch sông Ô — Hà-nội
 báo số 2, — 8-1-1936).

Giấc mộng đế-quốc của Lê-đại-Hành

Ta sẽ đưa binh Nam đi vùng-vẫy

Khắp bốn phương trời nước mặt-mùng tăm ?

Ôi ! bầu mệnh-mông chuyển-dòng tiếng loa gầm,

Tiếng gươm ca, tiếng trống hồi, ngựa hí !

.....

Binh Nam-quốc, như hải-triều kiêu-hãnh,

Sẽ cuốn theo... cùng cát phủ, cùng mây nhanh, cùng
gió mạnh,

Đồng Man-di rải-rắc núi non Hời !

Rồi bóng khiên vọt mắt bốn phương giới,

Như thác nước cao văng thân vĩ-dại.

Quần xông-xáo tới bên bờ Thiên-Trúc-hải...

Và co cựa trên mảnh đất cuối cùng nhỏ,

Đắm say nhìn biển vô tới hư-vô !

Song thế-giới vô-biên khi cút đầu khắp-miền,

Binh-sĩ ta sẽ cho là đất hẹp,

Ngon trường-thương không đủ chỗ tung-hoành.

Vì, muốn đủ làm xa vút cánh bằng nhanh,

Muốn sức kinh được tự-do ngang-dọc,

Biển bao-la với tầng giới không góc.

Cần mệnh-mông, cần bát-ngát, cần xa-xối,

Như không-gian, chỉ cảm thấy... trong mơ thôi...

(Lòng hối-hận - Hà-nội báo
số 12, 25-3-36).

Lời thực mới, hơi vẫn đi mạnh, như réo, gầm,
rung-động cùng với kỳ-xí, loa đồng, trống trận...
Trong làng thơ mới, Phạm-quân đem vào thi-ca Việt-
nam một thể chưa từng được ai lưu ý đến: thể anh-
hùng-ca.

Nhưng lời mới nhất trong thơ mới ấy cũng chỉ
mới về điệu và lời, còn tư-tưởng, đề-tài (lĩnh nhi-nữ

chí anh-hùng: Hạng-Vũ, Ngu-Cơ), mộng bá-đồ, chinh-
phục tứ-phương (Lê-Hoàn) đều là từ đã hơi xưa ;
đành rằng ta không thể trái ngược cả lịch-sử mà đặt
vào miệng Hạng-Vũ, Lê-Hoàn những ý nghĩ, những
hy-vọng vượt quá thời-gian, song chắc-chắn rằng
giá bây giờ Phạm-quân có phất lá mặc-kỳ, ắt hẳn
không dùng những đề-tài xưa ấy nữa.

Rồi đây tiếng Việt-nam, thơ Việt-nam phải làm
trọn sứ-mạng của nó là biểu-lộ những thắc-mắc, xao-
xuyến, lo-âu, hy-vọng, lý-tưởng của dân-tộc, thơ phải
làm ta rung-chuyển bồi-hồi, cảm-thông với đại-chúng,
phát-huy được tinh-thần công-cộng toàn-dân. Trách-
nhiệm nhà thơ nặng vô-cùng, tâm-hồn nhà thơ phải
như « quả cầu pha-lê » phản-chiếu lại tâm-hồn chung
hiện tại và các triển-vọng tương-lai. Thi nhân phải
tấn-đương, cá-ngợi những cuộc tranh sống sôi-nổi,
mãnh-liệt, hăo-hùng... Chúng tôi tin rằng dụng-cụ đã
có rồi, với một dân khả-năng về thơ không kém như
dân Việt-nam (xin đọc lại các bài ca-đao) thì sự xuất-
hiện thi-hào như Trang Chu (1) Homère, Dante, Sha-
kespeare, Tagore, không phải là sự lạ.

D) TIỂU-THUYẾT. — Trong hơn mười năm gần
đây, tiểu-thuyết thịnh-hành hơn hết mọi loại văn,
khác, vì:

a) Số người biết đọc tăng lên thập-bội (nhất là ở
nơi thành-thị);

b) Tiểu-thuyết thường là món giải-trí người bình-
dân ham chuộng. Nhà phê-bình Thiệu-Sơn từng đã

(1) Trang tuy chỉ viết văn xuôi, nhưng thực là thiên-cổ độ-nhất
thi-nhân.

nói: người ta ai cũng ưa cảm-giác lạ. Sự sống của ta càng yên-lặng bao nhiêu thì ta càng chán-nản... càng chán-nản ta càng thích các cảnh bày đặt ra trong tiểu-thuyết để mua lấy những cảm-giác mà ta ít khi được hưởng-thụ trong đời sống hàng ngày.

c) Hiện nay nghề in, nghề xuất-bản đang phát-đạt vì lãi nhiều, các nhà kinh-doanh chiều thị-hiệu của đa-số bình-dân, đua nhau ấn-hành tiểu-thuyết để kiếm lời, họ hết sức chiều - chuộng các nhà văn có tiếng được độc-giả hoan-ngheh và do vậy, thể văn tiểu-thuyết được nhiều người trứ-thuật. Phạm đã nhiều người chuyên một thứ, tất có sự cạnh-tranh cố-gắng, ai cũng mong tìm con đường riêng mới lạ, ai cũng muốn đi sâu vào dân-chúng vì thấy cần hấp-dẫn độc-giả, thành ra tiểu-thuyết giúp cho quốc-văn chóng thành-lập và truyền-bá dễ-dàng.

Nếu muốn kiểm-điểm phê-bình hết thấy các tác-phẩm xuất-hiện trong rừng tiểu-thuyết Việt-nam, chúng tôi tưởng phải soạn một bộ sách cực dày - và lại các bạn có thể dùng tạm quyển Nhà văn hiện-dại số 3, số 4, của Vũ-ngọc-Phan - nên ở đây, trong khoảng vài trang, chúng tôi không muốn nói dài dòng những điều có người từng đã nói.

Vậy xin tóm-tắt lại: chúng ta thấy xuất-bản đủ các loại: phóng-sự, bút-ký, truyện-ký, lịch-sử ký-sự, tiểu-thuyết trinh-thám, hoạt-kê, truyện-ký, tình-cảm, phong-tục, xã-hội... và nhiều tác-giả đã có một nghệ-thuật khá cao.

Tiểu-thuyết là thể văn phát-triển mạnh nhất hiện giờ, nếu ta nhìn lại quang-cảnh văn-đân ở Việt-nam

trước đây độ hai chục năm, sự chênh-lệch về số-lượng sẽ hiện ra rõ-rệt.

Không những về lượng có sự tiến-triển, mà về phẩm, các nhà văn cũng tỏ ra đã đi xa trên đường nghệ-thuật: mỗi soạn-giả sở-trường và chuyên về một mặt và không mặt nào là không sản-xuất được những tác-phẩm hay.

Đừng riêng về phương-diện văn-chương, ngòi bút kể việc, tả cảnh, tả tình, tả người... nhiều phen làm vinh-dự cho quốc-văn; từ đây mỗi khi ta đọc văn nhà, có lẽ không phải quá e sợ sự so-sánh cùng các nhà văn ngoại-quốc.

Tỷ-dụ:

Kể việc

Anh phải sống

Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc:

— Giời ơi!

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nháp bọn cũ và lạnh-lùng trôi đi, lỏi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ:

— Minh liệu bơi được đến bờ không?

Vợ quả-quyết:

— Được!

— Theo giòng nước mà bơi... gỏi lên sông!

— Được! Mặc em!

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi:

— Thế nào?

— Được! Mặc em!

Vợ vừa nói buống lời thì cái đầu chìm lặn. Cỗ hết sức bình-sinh, nàng lại mired ngoi lên được một nước. Chồng vội-vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười, du-giắm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc Thức kêu:

— Mỏi lắm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau, chồng ngắc chẳng động nữa, hai cánh tay rũ-rơi. Vợ khẽ hỏi:

— Có bơi được nữa không?

— Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

— Em buống ra cho mình vào nhé?

Chồng cười: *hàng hắt*:

— Không! Cùng chết cả.

Một lát, — một lát nhưng Lạc coi lân bằng một ngày — chồng lại hỏi:

— Lạc ơi! Liệu có cố bơi được nữa không?

— Không! ... Sao?

— Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói:

— Thằng Bó! Cái Nhớn! Cái Bé! ... Không! ...

Anh phải sống!

Thức bỗng nhẹ hẫng đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng-lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.

Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sóng đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên cạnh. Đó là gia-dình bác phó Thức ra bờ sông tiễn-tuyệt lần cuối cùng linh-hồn kẻ đã hy-sinh vì lòng thương con.

Trong cảnh bao-la, nước sông vẫn lãnh-đạm chảy xuôi giòng.

Khái-Hưng.

(Trích trong tập truyện ngắn: Anh phải sống nhà xuất-bản Đời Nay, Hà-nội 1937)

Truyện mới đọc trông chừng như nhạt - nhẽo ; lời văn bình dị, câu đối-thoại tự-nhiên, nhưng tấn-thâm-kịch tuần-tự diễn ra trước mắt ta như thực, và chính nghệ - thuật là ở chỗ đó. Đến đoạn kết, người đọc bị tràn-ngập bởi một nỗi buồn-ngùi thương-cảm vô-hạn khi thấy bác Thức bế con ra bờ sông ngồi khóc, nhìn « trong cảnh bao-la, nước sông vẫn lãnh-đạm chảy xuôi giòng ».

Tả cảnh:

Người gánh nước trên đường cát,
giữa buổi trưa hè

Bọn xin nước vái chào nhà sư, Trông con đường đất cát khô, nỗi nước trông-tránh theo bước chân mau của tên lão-bộc đánh rổ xuống mặt đường những hình ngôi sao ướt và thẫm màu. Những hình sao ướt nổi

nhau trên một quãng đường dài ngoằn-ngoẻo như lối đi của loài rắn. Nếu buổi trưa hè này là một đêm có bóng trăng dài lạnh-lùng và nếu cổng Mai-viên-tự là một cửa động-đào thì những giọt sao kia có đủ cái thi-vị một cuộc đánh dấu con đường về của khách tục trở lại trần sau khi chia tay cùng chúa động tiên.

Ánh nắng già-giận buổi trưa nung đốt mặt cánh đồng dưới chân đồi, làm rung-rinh lớp không-khí bọc từ mặt đất và giống như vết khói nhờ nhờ, vờn qua những màu xanh bóng loáng của một dãy xóm làng cây-cối im-lìm. Đứng trong cổng chùa, từ bề cao nhìn xuống cái thấp dưới chân mình, nhà sư già hấp-háy cặp mắt, nhìn cái nắng sáng lóa. Bọn người xin nước chỉ còn là mấy cái chấm đen, mỗi lúc cử-động lại làm tung lại phía sau mình một chùm cái bụi mờ mờ. Gió nổi nổi mạnh nhiều cơn, đã đem cả những bụi trần kia vào lọt cổng ngôi chùa cao-ráo.

Nguyễn Tuân.

(Những chiếc ăm đất — Tạp-chi Tao-Đàn số 8, ngày 16-6-1939, trang 725)

Con thuyền tiên chở thợ trong suối thần

Hai con thuyền trôi đi êm như trườn xuống dốc một ngọn thác mà lòng thác dềa lót đầy một lớp rên rờn. Ban nẩy lườn áp bên không đá một tiếng động róc rách, như là khẽ lách mặt nước mà ngoi từ dưới lên. Bấy giờ hai con thuyền trôi đi trong một giấc mơ thần. Gió sớm nổi lên. Mùi nhạt nhạt của nước nguồn, mùi ngai ngái của cỏ bông ải rữ, (phả) mạnh vào mũi thuyền trôi như xuyên cảm sâu mãi vào cái dòng đặc của mũi sơn lam..... Người đẩy lườn là một

người con gái. Một người con gái mặt sắc như dao cùn và lạnh như loài kim, lạnh hơn cái gậy gẩy của rừng buổi sớm này đầy sương mù. Tiếng đồng vọng củ rúc hết canh vắng vào vách đá, rồi vật lại một nơi thau-lùng nào đang gửi trả về rất dài một tiếng vọng kẻ rầu ».

Nguyễn-Tuân,

(Vang bóng một thời : Trên đỉnh non Tân
trích lại của Vũ-ngọc-Phan

Nhà văn hiện-dại, quyển III, trang 14-15)

Thực là hai cảnh thần-tiên đã được thi-vị-hóa dưới ngòi bút nhà thi-sĩ.

Núi Văn-dú

Sừng sừng giữa trời, bao-quát đồi cây gò đất, núi ấy trông đường-bẻ hách-dịch như đứng làm chúa-tể cho cả một vùng phong-cảnh hoang-vu. Dân Thổ, ở các làng gần đó, ngày nào cũng trông thấy ngọn núi mà mờ lam tím, nhô lên trên những hàng rừng xanh chỉ-chít um-tùm.

Những buổi hoàng-hôn bóng chiều soi riêng một phía, cũng như các ngày ử-dột âm-u, Văn - dú lại hiện ra một vẻ riêng, oai-linh và màu-nhiệm.

Đối với ngọn núi lớn, người Thổ không những chỉ có lòng kính-cần, phảng-phất đối với mọi cảnh bát-ngát cao-cả. Họ lại còn sợ hãi Văn-dú như một vật có trí-giác, có quyền phép làm hại được người. Ở những miền quanh đó và trong thời bấy giờ, ai nói động tới Văn-dú là một sự gở lạ.

.....
 Núi Văn-dũ có một cái hang lớn. Đó là nơi chứa những tai-nạn ghê-gớm cho giống người Thổ và là cái nguồn những sự khủng-khiếp và những chuyện kinh-hoàng. Người ta gọi hang ấy là hang Thần vì đó là chỗ thần núi ở.

Thần núi Văn-dũ linh-thiêng lắm, lại rất độc-ác và hay nghi-ngờ. Người nào hoặc vô-linh, hoặc cả gan đến gần núi là bị thần hang bắt vào giết đi. Cho nên từ Văn-dũ giờ ra, chừng hai ba dặm chỉ toàn thấy rừng xác, đất hoang; người Thổ không dám đến khai-phá để cấy cấy.

Trong một năm có nhiều khi trời đất đang yên bỗng dưng dưng một cơn sấm sét, Trên không - khi gió vì chớp loáng như gươm, thiêng vang tiếng cây cối rụng, tan-nát, người vật lo sợ mất hồn. khắp mọi nhà đều khua gõ inh-ỏi cùng với các bà then, thầy pháp kêu khẩn cho đến khi nguôi cơn. Như thế mới đỡ tai-hại.

Lại nhiều khi, sau một hồi giông-tổ dữ - dội, mây đen biến hết ánh nắng lại soi xuống; bấy giờ trên đỉnh núi chấp - chờn một tầng khói phủ dần dần bay đi. Trong đám hơi trắng mà người ta bảo là nộ - khí của thần hang, có người nói rằng thường trông thấy những hình bóng kỳ-dị.

Lại Trong trí tưởng-tượng của người Thổ thì chỗ hang Thần trông như mồm một con yêu hay con hổ quái-gở. Cái mồm ấy phun ra những hơi độc làm thành dịch-tễ, gió bão dễ phá-hủy các làng. Trước cửa hang Thần, người ta bảo có toàn đàn lâu, người thì bảo có đủ các thứ rắn rết. Lại có người khoe rằng đã năm mơ được vào tận lòng hang xem: qua khỏi những chỗ nguy-

hiềm hết sức nói, thì đến nơi ruộng nương tươi-tốt, suối chảy thông-dong, cây lá rườm-rà, bỏ lợn rừng đàn ăn trên những bãi cỏ xanh non, lại có các nàng tiên nhỏ-như chăn dắt. Song cái tấm ảnh đảo-nguyên kia, người ta ra cũng cho là một cảnh mĩ-mai không thể làm dịu được vẻ độc-ác của núi Văn-dũ gây nên bởi những chuyện phao-truyền từ trước đến giờ.

Thế-Lữ.

(Vàng và máu, Hà-nội, nhà in Trung-Bắc tân-văn)

Đây là một cảnh núi, nhưng đặc-sắc ở chỗ núi hiện ra nhiều vẻ: khi găm thét trong phong-ba, bão-táp, lúc âm-u, ảm-đột, hoặc lơ-mơ ẩn hiện chấp-chờn dưới làn hơi trắng ngùn-ngụt bốc lên.

Mà mỗi vẻ là một thái-độ của Thần — vì trong trí tưởng-tượng ngày nay của người Thổ ở đương rừng thì núi là một vị thần — Hang Thần là mồm một con quái-hồ hay một con yêu. Vị thần ấy linh-thiêng, độc-ác, nghi-ngờ, đã gây ra những tai-nạn làm cho thổ-dân kinh-hoàng khủng-khiếp.

Cả một chương đầu «Vàng và máu» chuyên tả núi Văn-dũ, cốt để dẫn một cảnh rừng-rợn, tạo một không-khí oai-linh, kỳ-dị, phù-hợp với cốt truyện; tác-giả đã tỏ ra vừa là nhà mỹ-thuật, vừa là một thi-nhân.

Tả tình, tả người:

Dưới đây là bức tranh tả hết trạng - huống một người đàn-bà tâm-hồn bị ám-ảnh và xâm-chiếm hoàn-toàn bởi lòng thiết-tha mong muốn có đứa con và tình yêu đưa con ấy đến một độ hầu như cuồng-nhiệt:

.....

Bà Mậu hốc-hác như mới qua một trọng-bệnh. Má hóp lại, gò má cao lên, đầu tóc không lúc nào được chỉnh-tề, áo quần xốc-xếch, làm bà già đến năm, sáu mươi tuổi. Dưới làn lụa áo mỏng đã thấy nhô lên các đầu xương khủy, xương vai. Suốt ngày bà Mậu ngồi trong gian nhà tranh tối tranh sáng vì cửa đóng. Tối đến có đèn, nhà còn sáng hơn, mà vẻ tịch-liêu không giảm.

Trong một thời-gian rất ngắn tâm-hồn và thân-thể người đàn bà đã thay-đổi không ngờ. Thân - thể sút kém một cách đáng lo ngại. Bà Mậu cứ ở lì trong nhà, sự sút kém cứ tiến theo nhịp ấy thì chẳng bao lâu người ta sẽ thấy bước ra một bà già, phải nhìn kỹ mới thấy nét quen.

Suốt ngày bà Mậu ngồi nhìn cái nồi bở vằng, đã thu gọn vào một góc nhà. Trước kia, mỗi khi đi đâu về, bà cũng nhìn ngay vào cái nồi còn kê ngay ở cạnh giường, Tinh (1) thường nằm đấy. Tinh không nằm đấy thì cũng có những đêm, lót xinh-xắn làm vui con mắt, ấm-áp trong lòng. Bất cứ bận việc gì bà cũng hăng hăm cho được Tinh, hôn hít như muốn nuốt trửng ngay cái bàn chân, bàn tay hồng-hào, đẫy ngấn. Bà không dám hôn vào má, sợ chầy má đứa bé. Tinh thường nhoẻn miệng, giờ cái lợi chưa có răng ra cười. Lòng người đàn bà cõi mở, bà Mậu cảm thấy một nỗi vui sướng chưa từng thấy.

.....

Tinh ra đời, thế-giới của bà Mậu thu gọn vào đứa bé, ngoại-vật không gì đáng kể. Mậu cứ oíeet yêu, cứ

(1) Tên đứa bé, con trai người vợ lẽ.

việc quán-quít vợ lẽ ngay trước mặt bà : bà không nhìn thấy, Tha hồ Quì (2) nằm xóng - xược suốt ngày không mớ đến công việc gì. Mặc ! quý-hồ bà có Tinh. Có Tinh là co hết cả các cửa bấu trên đời này. Chính con tự mình đẻ ra, chắc cũng không người mẹ nào thương yêu hơn là bà Mậu thương yêu Tinh, con người vợ lẽ. Thờc khuya dậy sớm, mất ăn mất ngủ về đứa bé, vật-vã quá vú già, bà Mậu không một lời phàn-nàn. Cái thiên-tình làm mẹ, trong lòng người đàn bà, bị kiềm-chế lâu ngày, bỗng-bột phát - triển. Càng tốn công, tốn sức, càng vật - vã, bà Mậu lại càng thấy khỏe thấy vui. Những nỗi lo nghĩ nhỏ-nhất, những buồn-bã vẩn - vơ không còn có dịp chiếm-cứ tâm-hồn người đàn bà bận-rộn với công việc thích làm. Một nụ cười của đứa bé đủ làm nở-nang lòng bà Mậu, làm tiêu-tán nỗi mệt nhọc có khi cả đêm thức để pha sữa, thay lót, nhắc cho người vú nhớ công việc.

.....

Quì mang con đi, đánh trứng vào nhược-điểm của người chị. Tinh đi, thế là hết ! Bao nhiêu nỗi vui-vẻ, bao nhiêu hạnh-phúc của bà Mậu đã theo đứa bé. Trời đất âm-thầm lại, nhà cửa thành vắng-vẻ lạnh-lẽo như một bãi tha-ma. Trong lòng bà cũng thành một bãi tha-ma, gió thổi vật-vờ, cỏ dại mọc trên những năm mồ. Mấy ngày đầu, bà không cho rời cái nồi không đi chỗ khác. Bà trân trân nhìn cái nồi, tìm một vật gì. Bà không thấy đau xót, trong lòng như tê-liệt, thiếu hẳn điều-kiện gì nó làm cho người ta thấy ý-nghĩa cuộc đời, hiểu công việc mình.

(2) Tên mẹ đẻ Tinh, người vợ lẽ, em ruột bà Mậu.

.....

Bà Mậu khóc. Bà khóc trong đêm hôm khuya-khoắt, không ai biết đến. Bà khóc không lên tiếng, nhưng nước mắt trào ra thường ướt cả áo bông. Ban ngày phải giấu nỗi buồn trước chồng và người ở, bà càng thấy khổ. Cái nôi đã đẹp vào một xó, bà cũng chẳng đi đâu, suốt ngày thẩn-thờ ngồi trong gian nhà cửa đóng. Tưởng-tượng cánh cửa sẽ mở, Quí bé Tỉnh vào, bà ngồi đợi.

Nếu nó bế Tỉnh về lúc này ! Bà sẽ nhẩy xỏ ngay ra mà ôm lấy thằng bé, mà hôn, mà cắn, mà nhai, nuốt ngay cho hả lòng ! Tha hồ Quí muốn làm gì, bảo gì, bà cũng xin theo. « Có phúc mới được làm vú già ». Nó nói phải. Bà chỉ cầu làm vú già để thức khuya, dậy sớm, để đương đêm choàng dậy thay tã lót, rửa ráy cho Tỉnh. Quí sẽ là bà chủ cái nhà này, truyền bảo gì bà cũng xin nghe. Bà chỉ mong được trông nom, giữ gìn đứa con...

Đứa con : Đỗ-đức-Thu,

(Thanh-ngệ tuần-báo : số 9 trang 28-29
tháng hai dương-lịch 1942).

Tuy còn nhiều tiểu-thuyết tả tình-ái — dù tả với một nghệ-thuật tinh-vi, theo lối mới — ở trong lớp người tiểu-tư-sản và được bọn thanh-niên, thiếu-nữ tự trung-lưu trở lên hoan - nghênh nhiệt-liệt (như : *Hầm bướm mơ tiên*, *Nửa chừng xuân*, *Gánh hàng hoa*, *Trống Mái...*), nhưng xét về toàn-thể, ta đã thấy có những khuynh-hướng bình-dân, xã-hội rõ-ràng.

Biết bao nhiêu nhà văn :

a) hoặc chủ-trương phá bỏ các điều dở trong

chế-độ xưa, mà thay thế bằng những cái mới cho hợp-thời ;

b) hoặc đi sâu vào đời sống dân quê để giúp cho ta nhìn rõ và hiểu biết hơn lớp người làm nền-tảng cho dân-tộc Việt-nam ;

c) hoặc mô-tả cảnh sinh-hoạt tũ-cực của bọn người chẳng ra người, quẩn - quại trong tội-lỗi, đói rét, đau thương (như anh chị em thợ mỏ, di ô, kéo xe, hay bọn ăn trộm, ầu cấp, bán sắc đẹp kiếm tiền), tóm lại, lôi ra ánh sáng mặt trời những ung-thư của xã-hội gây nên bởi một chế-độ bất-bình-đẳng vô-nhân-đạo.

Phong-tục, tả chân, phóng-sự... ấy là những loại tiểu - thuyết lấy đề-tài ở trong dân - chúng, viết cho dân-chúng đọc và để trình bày những nỗi thống-khổ cùng nguyện-vọng của dân chúng. Theo đà tiến của lịch-sử, thể văn tiểu-thuyết đã dần dần biết làm sự-mạng của nó. Chỉ một bước, một bước nữa là nó sẽ hoàn-toàn phụng-sự nền « văn-hóa nhân-bản », vì trào-lưu đã thúc-giục, xã-hội đã biến-hóa..., nên được một chút thay đổi — với một chế-độ thuận - tiện — ta sẽ không thiếu những Romain Rolland, Maxime Gorki.

E) KỊCH-BẢN. — Cho mãi đến khoảng 1926-27 phần đông chúng ta vẫn chỉ biết có chèo, tuồng (ấy là hồi toàn-thịnh của hai rạp Quảng-Lạc, Sán - Nhiêu ở Hà-nội) ; *Tuồng* là lối mượn của Tàu, *Chèo* hoàn - toàn của Việt-nam, cả hai cùng là ca-vũ - kịch có những điệu hát, bài hát, câu ca sẵn-sàng, con hát chỉ việc tùy từng vở liệu cách xếp lớp và lựa câu hát nào gần hợp thì sửa đổi ít nhiều, đem ra mà hát.

Ở đây chúng tôi xin phép nói lược vì không phải lúc chúng tôi khảo-cứu về tuồng, chèo cổ ; từ khoảng 1925-26, có gánh hát Nguyễn-đình-Nghị tổ-chức ra lối *(Chèo cải-lương)* (rap Cải-lương lý-viện, phố hàng-bạc Hà-nội), đồng-thời tại rap Quảng-Lạc, tuồng cổ bắt đầu nhường chỗ cho lối cải-lương Nam-bộ. Dù sao chăng nữa, đây cũng vẫn là ca-vũ-kịch; có thay đổi chỉ là thay đổi điệu hát, công-chúng nghe điệu cũ thấy chán thì đua nghe các điệu mới như Vọng-cổ, Tứ-đại,... xen lẫn những điệu hát tây.

Khác với tuồng, chèo, *Kịch-bản*, đúng theo với nghĩa dùng trong văn-chương, là một thể văn đem lên sân khấu hoặc những cảnh trích trong lịch-sử đời xưa, hoặc những cảnh đương-thời và các vai đối-thoại đều dùng cách nói chuyện tự-nhiên hàng ngày chứ không pha giọng nói lối hay là ca, hát.

Người đầu tiên soạn kịch ở Bắc-Việt là ông Vũ-đình-Long, tác-giả các vở : *Chén thuốc độc* (1921), *Tòa án lương-tâm* (1923), rất được công-chúng tán-thưởng khi đem diễn ở Hà-nội. Hai vở trên này có nhiều khuyết-điểm và chỉ hợp với khán-giả thời bấy giờ, chưa từng được xem diễn kịch ; còn nếu đứng về phương-diện nghệ-thuật mà xét, thì nó chỉ có giá-trị « mở đường » cho lối « văn kịch mới » ở Việt-nam.

Sau ông Vũ-đình-Long, đến ông Vi-huyền-Đắc nổi tiếng về kịch trong khoảng hơn mười năm gần đây với mấy vở : *Ông Ký Cóp*, *Kim-tiền*...

Những nhân-vật ông sáng-tạo ra đều có một đời tâm-lý sâu xa, động-tác lại chặt-chẽ, có thể lôi cuốn được lòng người ; xét ra trong kịch-trường, ông giữ một địa-vị không phải là không đáng kể.

Đoàn-phủ-Tứ cũng nổi danh về những vở : *Ghen*, *Mơ hoa*, *Xuân tươi*, *Sau cuộc khiêu-vũ*... Ông là một nhà văn di-dỏm, tài-hoa, rất hay ca-tụng ái-tình. « Hầu hết các vở kịch của ông đều được những sự nồng-nân của tuổi trẻ, cái tuổi mới bước chân vào đời đã phải ném ít nhiều đáng cay, đã biết suy nghĩ về những cuộc sống yên-lặng, ồn-ào, phức-tạp. Cái đặc-sắc trong các vở kịch Đoàn-phủ-Tứ ở sự nhẹ-nhàng, bay-bướm... Những việc con con ở đời, những việc không mấy người để ý đến, ông xét nhận rất tinh-tế và diễn tả thật tài tình... » (Vũ-ngọc-Phan. *Các nhà văn hiện-đại*, quyển ba, trang 287-88).

Chúng tôi không phải là nghệ-sĩ cũng không phải là nhà phê-bình nghệ-thuật sân khấu chuyên môn, cho nên không dám táo-bạo như « bác thợ giấy nhin cao quá lên trên với giấy » ; vả chi, ở đây không phải chỗ đem phân-tích cái đẹp của tuồng, chèo, tuồng chèo cải-lương cũng như biết bao cái lỗ-lãng của bọn nhà nghề hiện giờ còn phô-bầy ra trước mắt người xem, trong khi họ diễn những ca-vũ-kịch.

Chúng tôi đứng sang phương-diện văn-chương, chỉ nói riêng về kịch : thể văn kịch đã có nhiều tiến bộ. Từ Vũ-đình-Long đến Đoàn-phủ-Tứ, con đường vượt qua đâu phải là ngắn-ngủi ; tuy-nhiên thể văn kịch phải hoàn-toàn hướng về quần-chúng ; nhà soạn kịch chỉ đạt được mục-đích khi đã hấp-dẫn được quần-chúng và thông-công với họ nhờ ở tài-nghệ của mình.

Nhưng trình-độ dân ta chưa cao, thành thử những « ca-vũ-kịch » « tấp-nham » được « vỗ tay » lại không

có chút giá-trị văn-chương, nghệ-thuật nào, trái lại những vở viết công-phu, quá cao, không hợp với đám dân thường, vì họ không hiểu những cái tinh vi, tế-nhị, nên không ưa ; bi-thuật của nghệ-sĩ là phải tìm đường lối thông-cảm với tâm-hồn đại-chúng.

Mà chính đây là nhiệm-vụ của ca-kịch. Ca-kịch, một ngành quan-trọng vào bậc nhất trong nền « Văn-hóa nhân-bản » có sức làm rung-động, xao-xuyến, kích-lệ, lôi cuốn cảm-tình không phải nhỏ... (một chứng cớ : các bạn hãy hồi-tưởng lại những buổi diễn kịch Lôi-Vũ), vậy các nghệ-sĩ còn đợi gì mà không tìm cách khơi nguồn tình - cảm dồi-dào, vô-biên, ẩn-nấp trong chỗ sâu xa, thâm kín của tâm-hồn dân-lộc, để sáng-tác nên những vở kịch bất-hủ, nó sẽ là tiếng vọng lại của « Con người » đang hằng ngày « sắm vai » trong tấn kịch « sống » - trên sân vận-trang biết bao sôi nổi giữa loài người và giữa thiên-nhiên.

Viết đến đây chúng tôi có cảm-giác thư-thái nhẹ-nhàng, như người được cất gánh nặng sau khi vượt khỏi một chặng đường xa... ; chúng tôi gần về tới đích.

Có lẽ các bạn cũng thấy như chúng tôi rằng quốc-văn hoàn-toàn thành-lập đã tỏ rõ sinh-lực dồi-dào của nó với sự xuất-hiện giai-phẩm trong hết mọi ngành.

Các bạn hãy quay nhìn lại quãng đường vừa qua : Từ Huỳnh-tịnh-Trai, Trương-vĩnh-Kỳ đến giờ, mới có năm sáu mươi năm giờ !... một nửa thế-kỷ trong văn - học có thấm vào đâu ; nhưng ở

đây, chúng tôi xin nhắc lại : người Việt-nam đã đi hia bảy dặm.

Ấy thế mà chúng ta còn gặp bao nhiêu trở-lực vì chúng ta đâu có quyền tự-chủ ! Cho nên chỉ có hai năm sau hồi cách-mạng, tuy đang ở trong cảnh muôn ngàn khó-khăn, nguy-hiểm (đối nội, đối ngoại) mà chúng ta đã đặt được những viên đá đầu tiên để xây dựng một lâu-dài quốc-học tráng-lệ nguy nga.

Chính-phủ bắt tay ngay vào việc giáo-dục bình-dân, gỡ nạn « mù chữ » cho toàn-thể đồng-bào. Việc dạy chữ Quốc-ngữ được quốc-gia chỉ-huy và đặt mục-đích tối-thiểu là trong một vài năm không thể còn một người Việt-nam nào không biết chữ.

Đồng-thời, nền giáo-dục quốc-gia hoàn-toàn cải-thiện và dựa vào ba nguyên-tắc chính : *tinh-thần dân-lộc, tinh-thần khoa-học, tinh-thần đại-chúng*, xin các bạn xem lại lời giải thích trong Giáo-dục tân-san, số 2, năm thứ nhất, luôn thể các bạn hãy suy nghĩ về chương-trình cải cách giáo-dục (cũng trong số báo ấy), rồi thử đem so-sánh cùng chương-trình giáo-dục ở các nước tiền-tiến... không phải là chúng ta tự tăng-bớt nhau thái-quá, nhưng chỉ một sự cố-gắng đổi mới cũng đủ làm vẻ-vang cho óc sáng-kiến, tổ-chức của người mình.

Đây là chương-trình. Về thực-tế, trong thời-kỳ chuyển-tiếp, chúng ta có ngay sách vở để giảng dạy toàn bằng tiếng Việt, từ bậc Sơ-học cho đến Đại-học chuyên - môn, chúng tôi thiết tưởng rằng ; với hoàn-cảnh, thời-cực, thời-gian... với sự thiếu - thốn về tài-chính, dụng - cụ cũng như về người, bất kỳ chính-phủ nào cũng không thể làm hơn để thâm-luộm kết-quả tối-da như thế ?

Các bạn thử tưởng-tượng, với bước đầu mãnh-tiến ấy, nếu ta không bị lôi cuốn vào một cuộc chiến-tranh tàn-khốc, chỉ trong mười năm... đừng nói chúng ta đi hia bảy dặm! trên con đường tiến-thủ, tương-lai quốc-học Việt-nam chưa biết sán-lạn tới mức nào.

Dù sao, cái « để lại » đã ghi dấu phát-triển một thời. Người đến sau hãy làm như thế hay cố vượt lên, chúng tôi không mong-mỏi gì hơn; nhưng nói vậy mà thôi! việc kiến-thiết văn-hóa Việt-nam đâu phải công việc của một nhóm nào! ta hãy nhận-chân sự tranh-đấu và cố gắng của các bậc tiền-phong. còn theo đuổi là công việc của tất cả chúng ta và toàn-thể đồng-bào...

Trước khi hạ bút chấm hết quyển sách nhỏ này, chúng tôi trình-bày một vài ngu-kiến về vấn-đề quốc-học Việt-nam thay vào lời kết:

VIỆC XÂY DỰNG MỘT NỀN QUỐC-HỌC VÀ VĂN-HÓA VIỆT-NAM

A) TRỞ LẠI QUÁ-KHỨ. — Chúng ta có một nền quốc-học hay là không có?

Ông Phan-Khôi (1) thì cho rằng quốc-học là « cái học-thuật của một nước từ xưa đến nay mà có ảnh-hưởng đến sự sanh-hoạt của xã-hội ». Theo lối định-nghĩa như thế thì chúng ta không có quốc-học, vì các cụ ngày trước tuyệt-nhiên chưa sáng-lập được một học-thuyết nào có ảnh-hưởng trực-tiếp ngay đến đời sống của dân chúng, có thể đem ra so-bí được với những học-thuyết của Tàu.

Ông Nguyễn-trọng-Thuật (2), trái lại, cho rằng nước nào mà chả có quốc-học đối lại với học-thuật trên thế-giới tức là cái « học công ». Tỷ như người Nhật đem quốc-giáo, thần-đạo, quốc-sử, cổ-diễn, Hòa-văn lập-thành môn quốc-học chọi lại với Nho-học, Phật-học tự ngoài vào... « Người Nhật... đem những cái cố-hữu tâm-thường mà cốt-cách của tổ-bang từ thiên-cổ ra đánh thức quốc-dân, đối với cái học chung thế-giới ấy mà nhớ có mình, nhớ vì mình mà học. Tức là dựng chủ-nhân dậy, đứng hẳn ra.

(1) Luận về quốc-học (Phụ-nữ tân-văn, số 96, ngày 6-8-1931).

(2) Điều-định cái án quốc-học (Nam-phong 176, tháng 11-12 năm 1931).

ngôi đồng-đạo mà tiếp lấy hai sư-phó Nho, Phật vào mà giáo-hóa cho con cái...», thế thời nước Việt-nam cũng có thể làm công việc nghiên-cứu quốc-sử, quốc-văn, quốc-thần, địa-dư-chí, cổ-diễn, văn-thơ, ca-dao, ngôn-ngữ, biệt-lập ra thành khoa quốc-học-Việt-nam.

Người nói có, kẻ nói không, nhưng ~~đi~~ theo ý kiến của chúng tôi, có lẽ cả hai cũng chưa đi sâu vào vấn-đề, nên không khỏi có chút nhận lầm; cái mà ông Phan-Khôi gọi là « quốc-học » có ảnh-hưởng trực-tiếp tới dân-tộc, nhất-định chúng ta có chữ sao lại bảo không? — nhận rằng không thì không khác gì nhận « có thể có một con người toàn khu xác, không linh-hồn » — vậy « không » đây chỉ là không có những thuyết triết-lý, tôn-giáo, khoa-học...

Trái lại, cái mà ông Nguyễn-Thuật gọi là « quốc-học » lại không phải là quốc-học, đây chỉ là nhiều môn khảo-cứu, dành cho những nhà bác-học vui đầu vào trong đồng sách cũ ở các học-viện, hay những nhà khảo-cổ đi rập từng tấm địa, xét từng viên gạch vỡ, phân-tích từng mảnh bát cổ... đào được ở một nơi nào có quan-hệ mật-thiết với lịch-sử ngàn xưa.

nên văn học

B) ĐỊNH NGHĨA. — Hai chữ quốc-học và văn-hóa người ta thường dùng nhầm. Quốc-học chỉ là một phần nằm trong phạm vi văn-hóa mà thôi:

— Quốc-học là học-thuật, tư-tưởng, phong-tục, tôn-giáo, nghệ-thuật, kỹ-năng;

— Văn-hóa là sinh-hoạt, là mực sống của loài người hoặc của riêng một dân-tộc nào về hết

Culture
Civilisation Văn minh + Tiến hóa

thầy mọi phương-diện kinh-tế, xã-hội và tri-thức (như vậy, trong tri-thức sinh-hoạt tất-nhiên phải có quốc-học).

Dân-tộc nào cũng có quốc-học và văn-hóa của dân-tộc ấy: dã-man thì nông-cạn, thấp-kém; văn-minh thì sâu-rộng, cao-siêu.

Vậy thì dân-tộc Việt-nam ngay từ buổi phối-thai đã có một quốc-học, một văn-hóa rồi, nghĩa là đã có nhân-sinh, vũ-tru-quan, có phong-tục, tín-ngưỡng và có nghệ-thuật, kỹ-năng, mưu sự sống và tò-diềm đời sống hàng ngày; quốc-học, văn-hóa ấy không phải là không có cá-tính và sắc-thái riêng-biệt. *contents originals*

Trong hơn ngàn năm bị Tàu đô-hộ và trong non một ngàn năm nữa, từ Ngô, Đinh cho đến triều Tự-Đức, quốc-học và văn-hóa ta bị tràn-ngập bởi học-thuật và văn-hóa Trung-quốc; tuy vậy chúng ta vẫn giữ được cá-tính chứ không hoàn-toàn đồng-hóa với dân Trung-quốc; ta cũng được như Cao-Ly, Nhật-Bản, chịu ảnh-hưởng Trung-quốc thì có, mất hẳn bản-chất dân-tộc thì không!

Lược-thuật văn-học Việt-nam, chúng tôi đã cố chứng-minh sức phản-động cường-khiến, bền-bỉ này; rồi sau khi Đông-Á tiếp-xúc với Tây-Âu, ảnh-hưởng học-thuật Pháp đến thay-thế cho ảnh-hưởng học-thuật cổ-truyền, nhưng dân Việt-nam dư sức chống lại với mọi làn sóng văn-hóa ngoại-lai, nhờ ở chủ-lực của riêng mình và cũng nhờ ở sự xung-đột giữa các thế-lực mâu-thuẫn trên thế-giới.

Chúng tôi thường nhắc đi nhắc lại: một trong những lợi-khí giúp cho ta tự giải-phóng và đi nhanh trên đường « đại-chúng-hóa » để gây một nền quốc-

học và văn - hóa hoàn - toàn của dân - tộc, của đại-chúng, ~~tức~~ là Quốc-văn.

C) TƯƠNG-LAI QUỐC-HỌC VÀ VĂN-HÓA VIỆT-NAM. — Đồ dùng có rồi, nhưng về phương-pháp thì hình như các học-giả chưa được đồng-ý với nhau. ai ai cũng nói, cũng muốn, cũng thấy cần gây dựng một nền quốc-học và văn-hóa cho nước nhà, song đến cách làm thì người ta còn luẩn-quẩn, phân-vân, chưa có một quan-niệm rõ-ràng, đích-đáng.

Người thì muốn phục-hưng văn-hóa cổ - truyền, học-thuật Khổng-Mạnh, bắt chước như họ Khổng đã cổ-văn-hội chế-độ cũ trong thời Chu-mạt. Họ là những người tiếc rẻ một thế - giới hoàng-kim tưởng-tượng, họ chỉ muốn quay trở về với dĩ-vãng, sống trong xã-hội Nghiêu Thuấn họ luôn luôn snyt-soa ca-tụng là cực-lạc thiên-đường.

Người thì muốn theo thuyết thái - dụng, chiết-trung, giữ lấy cái hay vốn có của mình, du - nhập những cái tốt đẹp của người, họ tin-tưởng một cách ngây-thơ là có thể « vá-viu », chấp - nhặt, hỗn-hợp, điều-hòa những chất tạp-nham, rồi sẽ tạo-thành một nền quốc-học và văn-hóa !

Với các người có những chủ - trương khờ-khạo như vậy, chúng tôi tưởng cần phải nhắc lại một vài định-luật :

1-) Xã-hội tiến-triển chứ không đứng yên một chỗ, mà văn-hóa chỉ là mực sống liên-quan mật-thiết

ngay đến trình-độ tiến-triển ấy. Đã vậy, những chế-độ xưa dù đẹp (1) cũng không thể tồn-tại được một khi bánh xe thời-gian, lịch-sử đã vĩnh-viễn đẩy nó vào quá-khứ vô-biên.

Vậy thời khôi-phục quốc-học, văn-hóa cổ Việt-nam, cho xã-hội Việt-nam hiện-tại và tương-lai là một câu chuyện khôi-hài, không những khôi - hài mà còn là một chuyện vô ý-thức quyết-nhiên không thể thành-công ! Các bạn thử đem cái kén ra quuyến-dũ con ngài, tán-dương nào kén là một thứ tổ ẩm, êm, náo to nồn như nhung, lại óng-ánh vàng... xem con ngài có chịu chui vào sống trở lại đời con nhộng ?

2-) Vả chăng, dù phục-cổ, dù chiết-trung, thái-thái, hỗn-hợp cái tốt (?) của mình với cái đẹp (?) của người khác, cũng là đem một nền học-thuật, văn-hóa do trí thông-minh (?) hay óc bác-học (?) của mình tự-tạo để chụp lên trên một xã-hội, dân-tộc, ai cũng biết hành-động độc-tài ấy lập tức gặp sức mạnh ghê-gớm của quần-chúng phản-động lại ngay.

Chúng tôi có cần chứng-minh rằng một xã-hội X ở trình-độ kinh-tế T, bắt buộc có một học-thuật, văn-hóa, tương-ứng Vt ? nghĩa là xã-hội phong-kiến, tư-bản, vô-sản... bắt buộc có nền kinh-tế và học-thuật, văn-hóa phong-kiến, tư-bản, vô-sản... tương-quan, mỗi khi có sự kim-hãm lại về phương-diện nào, tất có sự ly-dị, mâu-thuẫn, xung-đột xảy ra.

(1) Nguyên chữ « đẹp » đã vô nghĩa; vì nó có tính-chất chủ-quan quá đi ! ấy là chưa kể trong đời sống không thể nói đến đẹp hay xấu, cũng như dưới con mắt ông thầy thuốc, không thể nói khỏe là đẹp, là hay, là nên..., yếu-đau là không nên, là dở, là xấu; khỏe, yếu-đau chỉ là những trạng-thái « sống » của cơ-thể con người.

và cuộc biến-hóa nhường bước cho cách-mạng đòi làm thỏa-mãn luật tương-ứng nói trên vừa bị nhất-thời phá vỡ.

Nhận như vậy thì nguyên-tắc xây-dựng nền quốc-học và văn-hóa Việt-nam không phải là khó nữa. Chúng ta phải biết xã-hội Việt-nam tương-lai là xã-hội gì, tổ-chức như thế nào trước đã, rồi sau mới gây-dựng quốc-học và văn-hóa để sửa-soạn cho con người Việt-nam sẽ sống ăn khớp với xã-hội ấy; tỷ-dụ, vì phỏng nước Việt-nam sau này sẽ kiến-thiết xã-hội chủ-nghĩa, cố-nhiên quốc-học, văn-hóa Việt-nam phải là quốc-học, văn-hóa xã-hội để đào-luyện con người sống trong khung-cảnh tập-thể ngày mai.

Tóm lại, vấn-đề xây-dựng quốc-học, văn-hóa trở nên một vấn-đề tranh-đấu chính-trị, bởi chúng ta giải-phóng con người... hèn chi từ trước đến nay, người ta chỉ luân-quần trong vòng trùu-tượng, bản-sống 1. Nói đến quốc-học, văn-hóa Việt-nam là nói đến cả một chương-trình phá-hoại, kiến-thiết vĩ-đại vô-cùng.. và... vì một lẽ thận-trọng đương-nhiên, chúng tôi không muốn bỏ thái-độ khách-quan, bước ra ngoài phạm-vi văn-chương khi soạn quyển sách con này; chúng tôi chỉ đặt vấn-đề cho đúng phép chứ không giải-quyết.

Chúng tôi xin thêm vài giòng trước khi chấm hết:

Dù sao quốc-học, văn-hóa ấy cũng vẫn phải có tính-chất giải-phóng nhân-loại chứ không đem nhân-loại làm vật hy-sinh cho một chế-độ, lý-thuyết, chủ-nghĩa. Thứ văn-hóa ấy sẽ là « văn-hóa nhân-bản » vì

cứu-cánh phải là sự cải-thiện con người. Văn-hóa Việt-nam mới này sẽ không thái-dụng, chiết-trung văn-hóa duy-lý « bản-ngã, phi-ngã đối-lập » của Tây-phương và văn-hóa Á-Đông xây trên « vật ngã đồng-nhất », dưng thuần-nghiệm như thấy toàn-phần, nó sẽ làm công việc tổng-hợp để đi tới thống-quan, tạo cho con người có sức phản-ứng tự-nhiên, dưng lối nhận-thức toàn-diện mà biết cái « chân » toàn-thể.

Chúng tôi mơ-mộng chẳng, thưa các bạn? Vâng thì xin chịu rằng mơ đi nữa, nhưng là cái « mơ » có tổ-chức, xây trên cơ-sở vững-chãi của thực-nghiệm; và lại « xây-dựng » nào về tương-lai bằng dự-đoán hay dự-tính chả phải là « mơ » của con người sáng-suốt; nhưng dù sao, đem ra so sánh, tỷ-dụ như cái « mơ » hữu-vi tích cực của Marx chẳng hạn vẫn khác cái « mơ » trừu-tượng của Phật hay vô-vi của Lão, của Trang.

*Đạo-tức đến họ bước, chỉ
đạo-tức nguyên*

MỤC - LỤC

PHẦN THỨ BA

VĂN-HỌC VỪA BÌNH-DÂN VỪA BÁC-HỌC CHỮ NÔM VÀ QUỐC-NGŨ (tiếp theo)

TRANG

CHƯƠNG I. — CHỮ NÔM (tiếp theo)

III. — Thời-kỳ thứ ba : Từ thế-kỷ 19 đến đầu thế-kỷ 20.

	7
1. — Tứ-lục	8
2. — Phú	9
3. — Văn-tế	15
4. — Thơ	15
5. — Ca-khúc, ngâm-khúc	24
Thi-ca có liên-lạc mật-thiết với thời-cục	35
6. — Ca-kịch	39
7. — Trường-thiên tiểu-thuyết	39
Những tác-phẩm vô-danh	61

CHƯƠNG II - CHỮ QUỐC NGỮ

Giải-thích bản lược đồ

Tiết I.- Việc sáng chế chữ Quốc-ngữ

Tiết II.- Sự phát-triển của chữ Quốc ngữ

I.- Thời kỳ phôi-thai (từ hồi đầu pháp-thuộc đến khi Đông-dương tạp-chí ra đời : 1913)

II.- Thời-kỳ niếm-tiền (đến khi tạp-chí Nam-Phong đình-bản : 1934)

1.- Báo-chí

2.- Biên-khảo

3.- Thơ-ca

4.- Tiểu-thuyết

Phụ-chú

III.- Thời-kỳ thành-lập (đến ngày tác-chiến : 19-12-1946)

1.- Báo-chí

2.- Tạp-chí (và Biên-khảo)

3.- Thi-ca

4.- Tiểu-thuyết

5.- Kịch-bản

VIỆC XÂY-DỰNG MỘT NỀN

QUỐC-HỌC VÀ VĂN-HÓA VIỆT-NAM

A.- Trở lại, quá-khứ

B.- Định-nghĩa

C.- Tương-lai Quốc-học và Văn-hóa Việt-Nam

thuongmaitruongxua.vn

82